

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**NGUYỄN THÙY DƯƠNG**

**PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP,  
QUA THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018**



## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Những đóng góp mới của luận văn .....	3
7. Cơ cấu của luận văn.....	3
<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>3</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và nội dung của đăng ký doanh nghiệp .....	4
1.1.2.1. Khái niệm đăng ký doanh nghiệp.....	4
1.1.2.2. Đặc điểm đăng ký doanh nghiệp .....	4
1.1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp .....	5
1.1.3. Ý nghĩa pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.....	5
1.2. Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	5
1.2.1. Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp của một số nước trong khu vực Châu Ásingapore; Hồng Kông; Malaysia .....	5
1.2.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam đối với thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.....	5
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....</b>	<b>6</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký doanh nghiệp .....	6
2.1.1. Chủ thể đăng ký doanh nghiệp .....	6
2.1.2. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp .....	6
2.1.3. Những ưu điểm và hạn chế của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp....	7
2.1.3.1. Ưu điểm .....	7
2.1.3.2. Hạn chế .....	9
2.2. Thực trạng thi hành pháp luật về đăng ký doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng .....	10
2.2.1. Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng và những vấn đề đặt ra trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp.....	10
2.2.2. Tình hình thi hành pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở thành phố Đà Nẵng .....	11

2.2.2.1. Tình đăng ký doanh nghiệp trong 3 năm 2015- 2017.....	11
2.2.3 Đánh giá việc thực thi pháp luật trong đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	12
2.2.3.1. Ưu điểm:.....	12
2.2.3.2. Hạn chế:.....	13
2.2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế.....	16
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>18</b>
3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	18
3.1.1 Đáp ứng bối cảnh tình hình kinh tế xã hội.....	18
3.1.2 Tiếp thu và ứng dụng sự phát triển của công nghệ thông tin khoa học kỹ thuật .....	18
3.1.3 Thích nghi yêu cầu phát triển nguồn nhân lực.....	19
3.1.4 Kiện toàn, hoàn thiện bộ máy quản lý .....	19
3.1.5 Hoàn thiện của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.....	19
3.1.6 Đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của các doanh nghiệp.....	19
3.2 Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi về đăng ký doanh nghiệp .....	20
3.2.1 Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành .....	20
3.2.2 Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	22
3.2.2.1 Hoàn thiện về cơ chế nhân sự .....	22
3.2.2.2 Đổi mới cơ chế cung ứng dịch vụ trong đăng ký doanh nghiệp.....	23
3.2.2.3 Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin .....	23
3.2.2.4 Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý .....	24
3.2.2.5 Nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm .....	24
3.2.2.6 Một số giải pháp khác: .....	24
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>25</b>

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tính đến hết năm 2017 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có hơn 22.040 doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện đang hoạt động. Thực tế hiện nay tình trạng doanh nghiệp vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp, không chấp hành các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, không chấp hành các nghĩa vụ thuế, doanh nghiệp ma..... có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và tính chất, mức độ vi phạm. Việc nghiên cứu công tác thực thi pháp luật đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn TP Đà Nẵng để tìm ra những ưu điểm, hạn chế của pháp luật cũng như việc thực thi pháp luật của Sở KH&ĐT TP Đà Nẵng đối với hoạt động đăng ký doanh nghiệp với mục đích hoàn thiện pháp luật tăng cường hiệu quả việc thực thi có vai trò vô cùng quan trọng, mang tính cấp thiết. Xuất phát từ các lý do nêu trên, là cán bộ công chức nhà nước, tôi chọn nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, qua thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng*” làm đề tài Luận văn thạc sĩ của mình.

## 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài

Trong những năm qua việc nghiên cứu việc nghiên cứu và tổng kết vấn đề pháp luật về ĐKKD nói chung và đăng ký doanh nghiệp nói riêng đã được một số tác giả tiến hành. Tuy nhiên vẫn còn vấn đề bỏ ngỏ hoặc chưa được giải quyết thấu đáo cần tiếp tục nghiên cứu; chưa công trình nào nghiên cứu cụ thể về đăng ký doanh nghiệp qua thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; các vướng mắc, bất cập của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp và đề xuất các phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đăng ký doanh nghiệp từ khi Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thi hành. Đa phần các công trình tập trung nghiên cứu pháp luật về đăng ký doanh nghiệp chủ yếu bằng công cụ pháp lý và hành chính mà chưa tập trung vào nghiên cứu dựa trên các công cụ kinh tế, các yếu tố xã hội và các yếu tố thị trường đối với đăng ký doanh nghiệp kể từ khi ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2014. Vì vậy, đề tài luận văn về cơ bản là có tính mới. Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã được ra nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện vấn đề này trong lý luận và thực tiễn, góp phần xây dựng cơ sở lý luận, chỉ ra những điểm còn bất cập, hạn chế. Đồng thời đề xuất một số kiến nghị

giải pháp để hoàn thiện những quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Luận văn tìm ra các phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thực hiện đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở nghiên cứu thực trạng tại thành phố Đà Nẵng.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là những vấn đề lý luận, những quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký doanh nghiệp và thực tiễn áp dụng tại địa bàn thành phố Đà Nẵng để chỉ ra những vướng mắc trong các quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Nghiên cứu thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn TP Đà Nẵng đối với đăng ký các loại hình doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Luận văn không đề cập đến nội dung quản lý đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Thời gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu thực trạng đăng ký doanh nghiệp thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2015 -2018

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Luận văn được trình bày dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lenin về nhà nước và pháp luật và những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới.

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học sau đây:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, đặc điểm, quy định của pháp luật, các số liệu...

Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

Phương pháp tổng hợp: Vận dụng để tổng hợp các số liệu, kết quả phân tích về thực trạng áp dụng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

Luận văn phân tích, đánh giá pháp luật hiện hành thông qua phân tích những điểm mới, ưu điểm và những điểm bất cập, chưa hợp lý của quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật đăng ký doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

**Chương 1:** Một số vấn đề lý luận pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Chương 3:** Định hướng hoàn thiện quy định của pháp luật và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

# **CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

## **1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp**

### ***1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp***

Doanh nghiệp là đơn vị kinh tế có tư cách pháp nhân, quy tụ các phương tiện tài chính, vật chất và con người nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ, trên cơ sở tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, thông qua tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu, đồng thời kết hợp một cách hợp lý các mục tiêu xã hội. Các bộ phận tập hợp trong doanh nghiệp bao gồm 4 phân hệ sau: sản xuất, thương mại, tổ chức, nhân sự.

Các loại hình doanh nghiệp cơ bản hiện nay là:

Doanh nghiệp Nhà nước: Là Doanh nghiệp có vốn đầu tư 100% từ Nhà nước, hoạt động phát triển kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu của xã hội do Nhà nước quản lý.

Doanh nghiệp tư nhân: Là doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của một cá nhân, do cá nhân đó đứng ra tổ chức thành lập doanh nghiệp, quản lý và chịu trách nhiệm về pháp lý.

Doanh nghiệp chung vốn hay công ty : Là loại hình doanh nghiệp do nhiều thành viên góp chung vốn để kinh doanh, cùng chia sẻ lợi nhuận cũng như cùng chịu lỗ.

### ***1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và nội dung của đăng ký doanh nghiệp***

#### ***1.1.2.1. Khái niệm đăng ký doanh nghiệp***

Đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan ĐKKD và được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN. Như vậy, đây là một thủ tục pháp luật theo quy định để khai sinh cho một doanh nghiệp; khi đó, doanh nghiệp được nhà nước thừa nhận và bảo hộ về mặt pháp lý kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### ***1.1.2.2 Đặc điểm đăng ký doanh nghiệp***

*Thứ nhất*, theo quy định trong Luật Doanh nghiệp 2014 đăng ký doanh nghiệp là thủ tục đầu tiên để tiến hành hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp.

*Thứ hai*, đăng ký doanh nghiệp là một trong những dịch vụ hành chính công do cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp thực hiện (Phòng đăng ký kinh doanh).

*Thứ ba*, bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đăng ký gia nhập thị trường đều phải thực hiện theo một khung pháp lý chung gồm các thủ tục hành chính sau: 1) Đăng ký doanh nghiệp, 2) Đăng ký mã số doanh nghiệp, mã số này đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp và 3) Thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*Thứ tư*, để thành lập 1 trong 4 loại hình doanh nghiệp (công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh) thì nhà đầu tư sẽ thực hiện thủ tục ĐKDN với cơ quan ĐKKD cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.



### *1.1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp*

**Chủ thể đăng ký doanh nghiệp:** Người thành lập doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Mọi cá nhân, tổ chức có quyền thành lập doanh nghiệp; quản lý doanh nghiệp và được Nhà nước bảo hộ trừ các đối tượng không được thành lập và góp vốn thành lập theo luật Doanh nghiệp 2014 và Luật phòng chống tham nhũng.

Người thành lập doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Mọi cá nhân, tổ chức có quyền thành lập doanh nghiệp; quản lý doanh nghiệp và được Nhà nước bảo hộ trừ các đối tượng không được thành lập và góp vốn thành lập

### *1.1.3. Ý nghĩa pháp luật về đăng ký doanh nghiệp*

Việc đăng ký doanh nghiệp nói riêng và thành lập doanh nghiệp nói chung có một ý nghĩa hết sức quan trọng không chỉ với sự hình thành công ty mà còn với cả sự ổn định và phát triển của công ty trong suốt quá trình tồn tại của nó. Điều đó được thể hiện rõ ở những điểm sau:

*Thứ nhất*, đăng ký doanh nghiệp là quá trình đánh dấu sự ra đời của một doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận như một thực thể tham gia vào nền kinh tế với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

*Thứ hai*, nó đánh dấu việc kết thúc một quá trình thảo luận, đi đến thống nhất giữa các sáng lập viên và mở ra sự công nhận của pháp luật với sự bàn bạc, thảo luận đó. Các thành viên sáng lập sẽ chịu sự ràng buộc doanh nghiệp và trách nhiệm về tài sản đối với doanh nghiệp.

*Thứ ba*, đây là giai đoạn quan trọng với sự hoạt động của công ty về sau bằng việc các bên thống nhất ký tên vào Điều lệ của Công ty và được Nhà nước công nhận. Cơ cấu tổ chức, hình thức quản lý, cách thức ra quyết định đều phụ thuộc và được quy định rõ tại Điều lệ này. Mọi hoạt động về sau của công ty phải tuân thủ theo đúng Điều lệ đã ban hành.

## **1.2. Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

### *1.2.1 Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp của một số nước trong khu vực Châu Ásingapore; Hồng Kông; Malaysia*

### *1.2.2 Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam đối với thực thi pháp luật về đăng ký doanh nghiệp*

Qua nghiên cứu về pháp luật đăng ký doanh nghiệp tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể HongKong, Malaysia, Singapore nêu trên, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm cải thiện, nâng cao

năng lực cạnh tranh quốc gia từ những thành công đó như sau:

*Một là*, cần điện tử hóa trong tất cả các khâu khi tiến hành ĐKDN

Mặc dù có LDN hiện hành quy định việc ĐKDN qua mạng, tuy nhiên luật cũng chỉ quy định việc nộp hồ sơ qua mạng trong khi đó việc nhận kết quả ĐKDN vẫn phải đến trực tiếp Phòng ĐKKD để nhận kết quả. Thậm chí ngoài việc nộp hồ sơ qua mạng, DN lại phải nộp trực tiếp bản giấy để đối chiếu hồ sơ, do đó việc ĐKDN chưa thực sự hiệu quả, tốn nhiều thời gian hơn. Theo đó, từ kinh nghiệm về ĐKDN của HongKong nên quy định việc nhận kết quả ĐKDN bằng mail có chứa đường link để tải Giấy chứng nhận do cơ quan ĐKKD cấp.

*Hai là*, nên quy định việc tìm tên, đăng ký tên DN qua mạng và tên đó cần được bao lưu trong một thời gian nhất định thay vì quy định: “Trước khi đăng ký tên doanh nghiệp, doanh nghiệp tham khảo tên các doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.

## CHƯƠNG 2

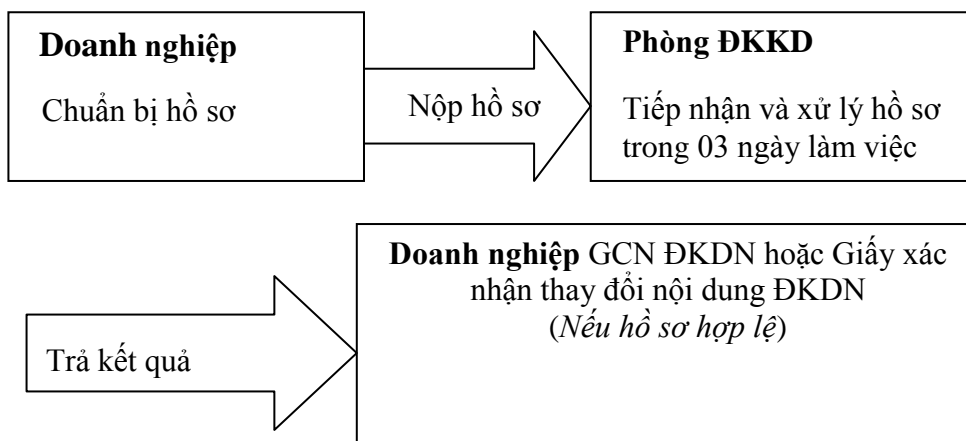
### THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

#### 2.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký doanh nghiệp

##### 2.1.1 Chủ thể đăng ký doanh nghiệp

Người thành lập doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Mọi cá nhân, tổ chức có quyền thành lập doanh nghiệp; quản lý doanh nghiệp và được Nhà nước bảo hộ được quy định cụ thể tại Điều 18 Luật Doanh nghiệp 2014, trừ các đối tượng không được thành lập và góp vốn thành lập theo quy định của luật Doanh nghiệp.

##### 2.1.2. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp



Theo qui định tại Điều 27 Luật Doanh nghiệp 2014:

Ở cấp tỉnh: Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng đăng ký kinh doanh).

### ***Về ngành nghề kinh doanh:***

Do đó để tạo sự thông thoáng cho DN trong quá trình khởi nghiệp LDN 2014 hiện hành quy định DN được phép làm những gì pháp luật không cấm, đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện DN được quyền hoạt động khi đảm bảo được các điều kiện theo quy định trong suốt quá trình hoạt động.

### ***2.1.3 Những ưu điểm và hạn chế của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp***

#### ***2.1.3.1. Ưu điểm***

##### ***Thứ nhất, về thành lập, tổ chức, quản lý doanh nghiệp***

Luật DN mới chỉ quy định những vấn đề chung nhất và có tính định hướng về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động khác có liên quan của DN, còn những nội dung chi tiết được trao lại cho DN tự do, tự nguyện, cam kết thỏa thuận theo các quy định của pháp luật. Thay đổi này cực kỳ quan trọng, từ đó các DN được chủ động, sáng tạo hơn khi được tự lựa chọn các mô hình, phương thức quản lý KD phù hợp với hoạt động của DN, cụ thể là: Cho phép Cty TNHH, Cty cổ phần (Cty CP) có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật và điều lệ Cty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; cho phép Cty CP có quyền chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình tổ chức quản lý; Cho phép lựa chọn cách bầu dồn phiếu hay không bầu dồn phiếu khi bầu thành viên HĐQT, BKS Cty CP. So với Luật DN 2005, Luật DN 2014 tăng 41 điều (213- 172), thêm nhiều điều, khoản quy định đổi mới, cụ thể và rõ ràng hơn nhằm góp phần kiến tạo môi trường đầu tư KD thuận lợi hơn, giúp DN nâng cao năng lực cạnh tranh vượt qua khó khăn thách thức hướng tới lợi ích chính đáng của DN và góp phần phát triển kinh tế của đất nước.

##### ***Thứ hai, về nội dung trên GCNĐKDN***

Luật DN 2014 đã bãi bỏ nội dung ngành, nghề kinh doanh; bãi bỏ việc xác định vốn pháp định trên GCNĐKDN. Do đó, khi có sự thay đổi về ngành, nghề kinh doanh DN chỉ phải thực hiện thủ tục thông báo thay vì đăng ký với cơ quan ĐKKD như trước đây. Điều này đã giúp cho các DN không phải mất thời gian và thủ tục để chờ cấp lại GCNĐKDN khi muốn thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh. Điều đó đã hiện thực hóa quyền

tự do kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà pháp luật không cấm theo tinh thần của Hiến pháp 2013.

Do đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp;
- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân
- Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân

hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn;

Vốn điều lệ<sup>1</sup>

*Thứ ba, rút ngắn thời gian cấp GCNĐKDN*

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 và khoản 3 Điều 31 LDN 2014, thời hạn để cơ quan ĐKKD xem xét tính hợp lệ của hồ sơ ĐKDN và cấp GCNĐKDN, đăng ký thay đổi nội dung GCNĐKDN cho các loại hình DN, đơn vị trực thuộc của DN được rút ngắn từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đăng ký hồ sơ điện tử chỉ còn 1 đến 3 ngày.

*Thứ tư, việc cấp và sử dụng con dấu của DN*

Trước đây việc cấp, sử dụng con dấu của DN do Bộ Công an quy định, theo LDN 2014, DN có quyền tự quyết về số lượng, hình thức, nội dung của con dấu. Do đó, thay vì phải đăng ký với cơ quan công an như luật cũ, DN chỉ cần thông báo mẫu dấu với cơ quan ĐKKD để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về ĐKDN. Quy định này giúp cho DN đỡ phiền hà, giải quyết được rất nhiều vướng mắc trước đây về con dấu của doanh nghiệp, quyền lực của con dấu bị thu nhỏ lại, nếu như một các nhân cố tình nắm giữ con dấu không thể làm tê liệt hoạt động của doanh nghiệp.

*Thứ năm, về tổ chức lại DN*

Trước đây Doanh nghiệp chỉ được tổ chức lại trong phạm vi cùng loại hình, Quy định của Luật DN mới không yêu cầu các Cty cùng loại

---

<sup>1</sup> Điểm 29, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2014

mới được hợp nhất, sáp nhập, chia, tách; đồng thời cũng quy định rõ ràng hơn về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm cũng như trình tự thủ tục hồ sơ. Đổi mới này có ý nghĩa rất quan trọng cho việc thúc đẩy thị trường mua bán DN đang thực sự sôi động trong giai đoạn hiện nay và những năm tới. Luật DN mới cũng có quy định giúp các DN chẳng may gặp khó khăn, bất lợi trong KD được rút khỏi thị trường thuận lợi hơn và nhanh hơn.

#### *2.1.3.2. Hạn chế*

*Thứ nhất: Hạn chế trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp.* Luật Doanh nghiệp năm 2005 và hiện tại là LDN năm 2014 đều có quy định ngoại trừ áp dụng đối với lĩnh vực chuyên ngành. Theo Điều 3 LDN năm 2014 thì “*Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó*”. Theo đó Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn chỉ áp dụng đối với chủ thể kinh doanh như công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh, DN tư nhân hoạt động theo LDN mà không phục vụ đăng ký các loại hình kinh doanh khác trong các lĩnh vực đặc thù như ngân hàng liên doanh, tổ chức kinh doanh chứng khoán, các công ty bảo hiểm...

*Thứ hai: Các quy định về đặt tên doanh nghiệp còn cản trở quyền tự do thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư.* Việc quy định về tên doanh nghiệp đã được Luật hóa tại Điều 38,39 LDN năm 2014 và Chương III Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, cụ thể cấm đặt tên doanh nghiệp trong các trường hợp: Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của DN đã đăng ký quy định tại Điều 42 của LDN năm 2014; Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó; Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

*Thứ ba: Bất cập trong quy định về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp* Đối với từng loại hình DN, khi đăng ký thành lập sẽ được yêu cầu chi tiết thành phần hồ sơ, từ Điều 20 đến Điều 23 LDN năm 2014. Tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP có quy định: “*Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ*

trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định”. Tuy nhiên vẫn còn có quy định đối với một số ngành nghề kinh doanh, khi đăng ký thành lập DN thì cần có giấy phép cho phép thành lập trước của các bộ chuyên ngành

*Thứ tư, việc áp dụng công nghệ trực tuyến trong đăng ký doanh nghiệp vẫn còn khó khăn* Kể từ ngày 15/4/2013, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử chính thức triển khai trên phạm vi cả nước theo Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quy định này nhằm giảm tải nhiều thủ tục rườm rà khi các cá nhân phải trực tiếp đến cơ quan hành chính Nhà nước để thực hiện nhiều thủ tục đăng ký. Tuy nhiên, qua thực tế triển khai, rất ít doanh nghiệp có thể tự sử dụng công cụ trực tuyến để đăng ký doanh nghiệp. Nguyên nhân là do việc đăng ký doanh nghiệp trực tuyến tương đối phức tạp.

*Thứ năm, việc công khai thông tin doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư*

Điều 30 Nghị định 78/2015/NĐ-CP đã có các quy định về chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Quy định này không chỉ ghi nhận về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước đối với sự hình thành của một chủ thể kinh doanh mà còn đảm bảo sự ghi nhận của xã hội về sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai việc công khai thông tin doanh nghiệp còn tồn tại một số hạn chế sau: Mặc dù quy định bắt buộc doanh nghiệp sau khi thành lập phải thực hiện công khai thông tin về đăng ký doanh nghiệp, tuy nhiên cơ chế quản lý những doanh nghiệp vi phạm quy định này còn thiếu.

## **2.2. Thực trạng thi hành pháp luật về đăng ký doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng**

### **2.2.1 Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng và những vấn đề đặt ra trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp**

Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của đất nước, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế- xã hội và an ninh quốc phòng; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, cửa ngõ chính ra Biển Đông của các tỉnh Miền trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông.

*Cơ sở hạ tầng*

*Kinh tế*

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2017 tăng 7,03% so với năm 2016, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,09% , đóng góp 0,05% điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công

nghiệp và xây dựng tăng 6,67% đóng góp 2,14 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,4%, đóng góp 3,51 điểm phần trăm; thuế sản phẩm tăng 11,55% đóng góp tới 1,33 điểm phần trăm vào tốc độ tăng GRDP. Quy mô GRDP năm 2017 theo giá hiện hành đạt 76.635 tỷ đồng, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 1,68%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 39,4%; khu vực dịch vụ chiếm 56,2%; thuế thủy sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 11,72%. GRDP bình quân đầu người đạt 72,02 triệu đồng, tương đương 3.165 USD.

### *Tiềm năng du lịch phong phú*

#### *Dân số, lao động và việc làm*

Dân số trung bình năm 2017 toàn thành phố đạt 1.064 nghìn người, tăng 18,8 nghìn người, tương đương 1,8% so với năm 2016, bao gồm dân số thành thị 932,4 nghìn người, chiếm 87,63%; dân số nông thôn 131,6 nghìn người, chiếm 12,37%; dân số nam 525,6 nghìn người, chiếm 49,39%; dân số nữ 538,5 nghìn người, chiếm 50,61%.

Đà Nẵng là trung tâm giáo dục - đào tạo lớn nhất của khu vực miền Trung – Tây Nguyên và là trung tâm lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), hiện nay, Đà Nẵng có 15 trường Đại học, học viện, 17 trường cao đẳng; nhiều trường trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề và hơn 200 trường học từ bậc học phổ thông tới ngành học mầm non.

## **2.2.2 Tình hình thi hành pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở thành phố Đà Nẵng**

### *2.2.2.1. Tình đăng ký doanh nghiệp trong 3 năm 2015- 2017*

#### *Bảng tổng hợp 03 năm*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, chi nhánh văn phòng đại diện	2870	3827	4001
2	Giải thể Doanh nghiệp	401	368	353
3	Tạm ngưng hoạt động	548	1,015	984

Năm 2017 thành phố đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 4.001 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tổng vốn đăng ký đạt 21.098 tỷ đồng, tăng 4% về số doanh nghiệp và tăng 66% về vốn so với năm 2016; hoàn tất thủ tục giải thể cho 353 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc và có 984 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc tạm ngừng hoạt động. Lũy kế đến nay, trên địa bàn thành phố có 22.040

doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện đang hoạt động, tổng vốn đăng ký đạt 142,6 ngàn tỷ đồng.

### **2.2.3 Đánh giá việc thực thi pháp luật trong đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

#### **2.2.3.1. Ưu điểm:**

**Thứ nhất**, công tác phối hợp giữa hai cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế đã thực sự thành công, là điển hình cho mô hình liên thông trong cải cách hành chính nhà nước. Từ đó, rút ngắn thời gian giải quyết của cả 2 cơ quan từ 15 ngày xuống còn 10 ngày, 5 ngày và hiện tại là 3 ngày nhưng thực tế thời gian giải quyết có đến trên 80% là ngay trong ngày làm việc. Đặc biệt đưa vào ứng dụng đăng ký thành lập DN qua mạng, rút ngắn thời gian xuống còn 1-2 ngày làm việc, giảm 1-2 ngày so với quy định trước đây. Thủ tục đăng ký DN qua mạng tại Đà Nẵng hiện tại rất đơn giản, thuận tiện. DN giảm được thời gian, công sức và theo dõi được trạng thái hồ sơ mà không cần phải đến tận nơi. Bên cạnh đó, cán bộ, công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ rất thân thiện, nhiệt tình hướng dẫn nếu người làm thủ tục có thắc mắc. TP Đà Nẵng đã triển khai thực hiện kết hợp 3 thủ tục gồm thủ tục thành lập DN, thủ tục thông báo mẫu con dấu, thủ tục đăng ký thông tin tài khoản ngân hàng trong 1 lần đăng ký và DN đồng thời nhận kết quả 3 loại giấy tờ nói trên cùng một lúc.

**Thứ hai**, TP. Đà Nẵng đã ban hành được hệ thống văn bản hướng dẫn rất cụ thể, chi tiết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi pháp luật ĐKDN; giúp cho việc thực thi ĐKDN trở nên cụ thể, rõ ràng và phần nào góp phần đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính ở địa bàn TP Đà Nẵng hiện nay. Bên cạnh đó, luôn đồng hành cùng DN trong việc triển khai, thi hành Luật DN năm 2014 và Luật đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành, bằng các cuộc hội thảo để tuyên truyền, phổ biến đến DN các quy định mới của Luật DN, Luật đầu tư, Nghị định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan giúp DN tiếp cận và nắm bắt được thông tin có giá trị pháp lý về DN.

**Thứ ba**, Công tác thực thi pháp luật về ĐKDN trên địa bàn TP. Đà Nẵng ngày càng đi vào chiều sâu và nề nếp. Công tác xử lý hồ sơ về ĐKDN đã được triển khai hiệu quả. Với việc giảm dần số lần ra thông báo và số hồ sơ bị chậm trả lời cùng với tình trạng khiếu nại của công dân ngày càng giảm đã chứng minh cho điều đó.

**Thứ tư**, Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn chuyên sâu ngày càng được chú ý, trình độ, kiến thức và kinh nghiệm của đội ngũ



nhân sự ngày càng cao đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Phòng ĐKKD của Sở KH&ĐT Đà Nẵng đã từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng hình ảnh cơ quan ĐKDN tiên tiến, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của doanh nghiệp, của các cơ quan QLNN và của cộng đồng. Tất cả các cán bộ chuyên môn của Sở KH&ĐT Đà Nẵng đều ở trình độ đại học và trên đại học. Đây được coi là nòng cốt của quá trình thực thi pháp luật về ĐKKD tại đây.

**Thứ năm**, Đà Nẵng đã phối kết hợp trong việc xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN bao gồm toàn bộ thông tin có giá trị pháp lý về doanh nghiệp trên phạm vi cả nước, tiếp tục khẳng định vai trò là cơ quan đầu mối tổng hợp thông tin về ĐKDN để phản ánh kịp thời và đầy đủ tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên thị trường, đáp ứng các yêu cầu thống kê của các cơ quan và phục vụ các báo cáo kinh tế xã hội của trung ương cũng như địa phương. TP Đà Nẵng đã cơ bản đạt được mục tiêu của Chương trình cải cách ĐKKD quốc gia sau 8 năm về mặt công nghệ thông tin khi đã tin học hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ ĐKKD.

**Thứ sáu**, tại TP Đà Nẵng, phân nào hình thành được cơ chế kiểm tra doanh nghiệp về ĐKKD. Đây là một nỗ lực rất lớn của Sở KH&ĐT Đà Nẵng nói riêng và các cơ quan trên địa bàn TP. Đà Nẵng nói chung. Việc này mang nhiều ý nghĩa trong việc nâng cao ý thức tuân thủ của các doanh nghiệp trong việc chấp hành quy định pháp luật về doanh nghiệp và ĐKKD.

**Thứ bảy**, Đã ban hành Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

#### 2.2.3.2. Hạn chế:

**Thứ nhất**, rườm rà trong thủ tục làm kéo dài thời gian xử lý

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, thủ tục xử lý hồ sơ ĐKDN là 05 ngày làm việc [7; Điều 28.1]. Với nỗ lực của cả hệ thống, Sở KH&ĐT Đà Nẵng đã nỗ lực khi rút ngắn thủ tục này xuống còn 03 ngày làm việc theo quy định của Luật mới 2014 [16; Điều 27.2]. Việc đăng ký thành lập DN qua mạng, rút ngắn thời gian xuống còn 1-2

ngày làm việc, giảm 1-2 ngày so với quy định trước đây của luật DN 2014. Tuy nhiên, với việc ra thông báo yêu cầu sửa đổi hồ sơ nhiều lần thì nỗ lực này cũng bị xem xét là chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp cũng như yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thủ tục khởi sự Doanh nghiệp ở nước ta nói chung, tại TP Đà Nẵng nói riêng vẫn còn phức tạp, tốn kém về thời gian và chi phí khi so sánh với các nước trên thế giới và khu vực.

Vẫn còn thủ tục, giấy tờ, các giấy phép con. Phí, phụ phí còn bất hợp lý, còn khắt khe trong khâu tiền kiểm

**Thứ hai,** văn bản hướng dẫn chưa đáp ứng yêu cầu

Mặc dù Sở KH&ĐT TP Đà Nẵng quan tâm thành lập sớm Ban chỉ đạo xây dựng quy trình ISO nhưng hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng quy trình ISO của Sở cũng còn hạn chế. Hiện nội dung và quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo chưa được xây dựng đầy đủ và rõ ràng, chưa quy định được quy trình, trình tự công việc xây dựng kế hoạch, chưa có chế tài và quy định trách nhiệm. Việc sửa đổi, bổ sung “Quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC về ĐKDN” của Sở cũng chưa kịp thời, thời gian kéo dài quá lâu, gây nhiều hạn chế cho hoạt động giám sát và đánh giá tình hình ĐKDN của Sở.

**Thứ ba,** bất cập về nhân lực thực thi đăng ký kinh doanh và chủ thể đăng ký

Tình hình tinh giảm bộ máy theo nghị quyết trương 6 khóa XII không tăng thêm người nhưng khối lượng công việc ngày càng tăng. Không lường trước được những biến động đến khối lượng công việc ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thực thi pháp luật về ĐKDN trên địa bàn. Hậu quả, các chuyên viên của phòng ĐKKD phải làm thêm giờ (2 đến 3 giờ/ngày), thậm chí ngày nghỉ cũng phải đi làm để đáp ứng được yêu cầu của công việc cũng như giảm số hồ sơ bị chậm.

*Tồn tại trong công tác phối hợp trong trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp*

Do cơ chế “Tiền đăng - Hậu kiểm”, qua thực tế quản lý, phát hiện một số thông tin doanh nghiệp kê khai trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không đúng với thực tế như địa chỉ trụ sở, số điện thoại, địa chỉ email,... Nhưng những thông tin này ít được “hậu kiểm”, các cơ quan quản lý doanh nghiệp khi phát hiện cũng chưa thông báo cho nhau kịp thời, hoặc có phát hiện cũng chưa thực hiện xử phạt hành vi vi phạm,... dẫn đến việc khi cơ quan quản lý nhà nước cần liên hệ với doanh nghiệp thì

không tìm được doanh nghiệp tại địa chỉ đăng ký, hoặc không liên lạc được qua số điện thoại, email đã đăng ký.

*Vướng mắc trong quản lý doanh nghiệp giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động:*

Hiện nay còn tồn tại nhiều trường hợp doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể chưa đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Luật quản lý thuế, cụ thể: Doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh khi chưa hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Trong khi đó việc trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong trường hợp giải thể chưa được thực hiện tự động trên ứng dụng của Cơ quan thuế (theo qui định của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC) dẫn đến khó khăn trong việc xử lý hồ sơ giải thể doanh nghiệp của cơ quan Đăng ký kinh doanh.

**Thứ tư,** hệ thống mạng công nghệ thông tin chưa hoàn thiện

Hệ thống thông tin ĐKKD quốc gia đã thực hiện đăng ký cho doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, hệ thống này chưa hoàn thiện do cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN trước đây các địa phương lưu trữ, quản lý dữ liệu một cách độc lập và theo các tiêu chí khác nhau. Ngoài ra, dữ liệu doanh nghiệp chưa được công khai và không có sự giám sát của các bên có liên quan dẫn tới thông tin đôi khi không được cập nhật; dữ liệu của một số doanh nghiệp chưa được đồng bộ giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan thuế dẫn tới khi chuyển đổi sang Cơ sở dữ liệu quốc gia bị trùng, bị lệch thông tin. Do đó, tỷ lệ thông tin doanh nghiệp cần rà soát và hiệu đính còn lớn so với tổng số dữ liệu về doanh nghiệp có được.

**Thứ năm,** vẫn còn những hạn chế trong phối, kết hợp giữa các cơ quan.

Quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong bộ máy thực thi pháp luật ĐKDN đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế: phối hợp giữa Phòng ĐKDN với Thanh tra Sở, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp còn đơn giản, chưa rõ ràng, cụ thể. Trong việc phối, kết hợp với cơ quan thuế, trước đây chưa có quy trình thống nhất giữa hai ngành ĐKKD và đăng ký thuế về cấp chung mã doanh nghiệp do đó việc lưu trữ và bảo quản, tra cứu hồ sơ chưa được chú trọng, bên cạnh đó, chúng ta chưa có hệ thống hạ tầng trang thiết bị để có thể thực hiện việc số hóa tài liệu và lưu trữ dữ liệu.

**Thứ sáu,** chủ thể đăng ký Doanh nghiệp.

Trường hợp không được thành lập doanh nghiệp còn là những người đang bị chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành

nghe do những người này đã vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả v.v... Sự thành lập doanh nghiệp và quản lý của họ không đảm bảo trật tự trong kinh doanh, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, đi ngược lại lợi ích của Nhà nước và cộng đồng, vì vậy pháp luật loại họ ra khỏi quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên quy định này thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát, thực hiện dễ “oan sai” cho doanh nghiệp.

*Thứ bảy, bắt cập liên quan đến quản lý đăng ký ngành nghề kinh doanh.*

Theo quy định, việc ghi tên ngành nghề trong ĐKKD phải theo hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam nhưng theo sự phát triển của xã hội nhiều ngành nghề mới không có trong hệ thống ngành nghề pháp luật Việt Nam và cũng không có trong pháp luật chuyên ngành nên không được đăng ký như mong muốn của DN. Vì vậy, việc bắt buộc ghi tên ngành nghề đăng ký kinh doanh theo mã ngành đã gây khó khăn cho doanh nghiệp, vi phạm nguyên tắc DN được quyền chủ động lựa chọn ngành nghề kinh doanh. Ngoài ra, DN phải lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn và đặc biệt phải mã hóa ngành nghề kinh doanh trong giấy đề nghị đăng ký kinh doanh.

*Thứ tám, công tác kiểm tra, xử lý chưa đáp ứng yêu cầu*

Số lượng doanh nghiệp được kiểm tra chiếm tỉ lệ nhỏ trong các doanh nghiệp đang hoạt động. Bên cạnh đó, đây là hoạt động mang nhiều tính hình thức nên chưa tạo nên ý thức tôn trọng và chấp hành từ phía các doanh nghiệp được kiểm tra. Nó phần nào tạo ra tâm lí làm để chống chế chưa trở thành hoạt động tự thân của các doanh nghiệp để hình thành nên thức ý thức nghiêm chỉnh thực thi các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động.

*2.2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế*

*Thứ nhất,* do sự phát triển ngày càng năng động của Đà Nẵng, là trung tâm kinh tế, văn hóa của Miền Trung, có số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động lớn. Vấn đề quản lý nhà nước và thực thi pháp luật đăng ký doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và phức tạp. Số lượng doanh nghiệp đông đảo này, không phải tất cả đều hoạt động hợp pháp và làm ăn chân chính. Điều này có thể thấy rõ ở số lượng các công ty ma, công ty bỏ trốn, mất tích và nợ đọng thuế ngày càng tăng ở Đà Nẵng làm đau đầu các cơ quan quản lý nhà nước.

*Thứ hai,* do hệ quả của quá trình phát triển không đúng theo trình tự. Cơ quan *đăng* ký kinh doanh tại Việt Nam hình thành và phát triển đã qua một chặng đường khá dài. Ngay từ ban đầu khi nó được giao cho

cơ quan tư pháp là tòa án. Sau đó nó được đưa đẩy qua nhiều cơ quan không theo trình tự nào mà do hạn chế trong quản lý nhà nước. Bởi vậy, bộ máy chưa được hoàn bị và khoa học để thực hiện những nhiệm vụ lớn lao về đăng ký kinh doanh mà Đảng và Nhà nước đã giao cho.

**Thứ ba**, do hệ thống pháp luật đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện. Luận văn được triển khai khi pháp luật về doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp đang có sự chuyển mình mạnh mẽ với một loại các luật mới được thông qua và đi cùng với nó là các Nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc thực thi để những quy định pháp luật này đi vào thực tiễn sẽ khó tránh khỏi những vướng mắc, khó khăn trong thời buổi giao thời trong đó có cả những vướng mắc về đăng ký doanh nghiệp.

**Thứ tư**, do chưa có sự quan tâm đúng mức đến công tác quản lý đăng ký kinh doanh. Thực tế ĐKKD trên địa bàn cho thấy nghiệp vụ ĐKKD còn bị xem nhẹ thể hiện qua một số điểm như sau: các hoạt động nhằm nâng cao năng lực, trình độ của nhân sự làm công tác ĐKKD chưa được chú trọng một cách thường xuyên và liên tục; nguồn lực về tài chính cho hoạt động này chưa đảm bảo cho sự phát triển của nó; số lượng nhân sự chưa đảm bảo; luân chuyển cán bộ thực thi pháp luật đăng ký kinh doanh liên tục, lúc thì thụ lý hồ sơ, khi thì ra bộ phận một cửa để tiếp nhận và trả kết quả dẫn đến tính chuyên nghiệp và chuyên sâu các lĩnh vực pháp luật để hướng dẫn cho doanh nghiệp không cao

**Thứ năm**, do nhận thức còn hạn chế của cả từ phía chủ thể đăng ký và cơ quan đăng ký kinh doanh. Bản chất của hoạt động ĐKKD là ghi nhận thông tin để công nhận sự tồn tại, các thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp trên thực tế của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc nhận thức bản chất này còn chưa tốt dẫn đến cơ quan đăng ký kinh doanh làm khó các chủ thể trong quá trình đăng ký còn các chủ thể này chưa nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình dù quy định pháp luật là cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ kiểm tra tính hợp lệ mà không kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ.

**Thứ sáu**, quy định công tác phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, công tác quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập còn bộc lộ nhiều hạn chế, có khâu thì chồng chéo, nhưng cũng có khâu còn buông lỏng, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao. Những nguyên nhân chủ yếu là do: thiếu thông tin về doanh nghiệp; thiếu cơ chế phối hợp trong xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp làm giảm đáng kể hiệu quả, hiệu

lực của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Hậu quả là nhiều doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa được xử lý kịp thời, gây ra những tác động tiêu cực cho các doanh nghiệp khác, cho xã hội, người dân và môi trường kinh doanh.

### **CHƯƠNG 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

### **3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

#### ***3.1.1 Đáp ứng bối cảnh tình hình kinh tế xã hội***

Quy mô của hoạt động ĐKDN ngày càng lớn. Đầu năm 1997 sau khi chia tách từ tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng, sau 20 năm ranh giới đô thị mở rộng gần 4 lần, từ một đô thị với diện tích khu vực nội thành khoảng 5.600ha, đến năm 2017 ranh giới nội thành đô thị đã mở rộng đến hơn 21.000ha. Dân số năm 1997 hơn 400 nghìn người đến nay sau 20 năm là hơn 1.064 nghìn người. Với quy mô dân số, đô thị và quy mô kinh tế ngày càng phát triển như vậy, vấn đề ĐKDN trên địa bàn Đà Nẵng ngày càng chịu áp lực công việc rất cao.

Do vậy, việc nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật về ĐKDN sẽ giúp cho Đà Nẵng khai thác tốt lợi thế, khắc phục bất lợi, đáp ứng tốt đòi hỏi của thành phố đáng sống, thành phố thủ phủ của Miền trung và Tây nguyên.

#### ***3.1.2 Tiếp thu và ứng dụng sự phát triển của công nghệ thông tin khoa học kỹ thuật***

Ngày nay cùng với sự phát triển của xã hội thì công nghệ thông tin đã trở thành một phần không thể thiếu. Với những bước phát triển lớn công nghệ thông tin ngày càng có nhiều ứng dụng phục vụ nhu cầu của con người hơn. Hiện nay, những ứng dụng của nó xuất hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có trong quản lý nhà nước. Nắm bắt được xu thế này, trong thực tiễn quản lý hoạt động ĐKDN, chúng ta đã sử dụng công nghệ thông tin trong việc đơn giản hóa thủ tục và đồng bộ hóa dữ liệu. Tuy nhiên, việc ứng dụng này có tính hai mặt của nó. Nếu quy trình được vận hành tốt thì nó thúc đẩy tiến trình cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho cả chính quyền và người dân. Ngược lại, nó sẽ một rào cản lớn đến tiến trình này.

### ***3.1.3 Thích nghi yêu cầu phát triển nguồn nhân lực***

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra nhanh chóng, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực đứng trước nhiều thách thức mới, trong đó sự phát triển nhanh chóng của công nghệ làm thay đổi bản chất một số loại hình công việc, giảm thiểu không ít công đoạn thông qua tự động hóa, một phần lao động của con người được thay thế bằng máy móc, trí tuệ nhân tạo. Để đáp ứng yêu cầu này, các quốc gia cần phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng xã hội và kỹ năng nhận thức cơ bản. Để việc thực thi pháp luật về ĐKKD hiệu quả, sự phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt. Để đạt được những yêu cầu đó, cơ quan quản lý cần phải tập trung cả khâu tuyển dụng và khâu đào tạo tập huấn nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, đảm bảo trên cả hai mặt là số lượng và chất lượng.

### ***3.1.4 Kiện toàn, hoàn thiện bộ máy quản lý***

Một trong những yếu tố cũng vô cùng quan trọng ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về ĐKKD trên địa bàn Đà Nẵng chính là bộ máy quản lý về ĐKKD. Bộ máy được tổ chức tốt có tính quyết định đến việc thực thi pháp luật về ĐKKD và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Hai nhân tố cần được hết sức chú trọng là cách thức tổ chức và cơ chế hoạt động.

Ngoài tổ chức tốt bộ máy quản lý hoạt động ĐKKD, cơ quan quản lý cũng cần hết sức chú ý đến cơ chế phối hợp giữa các cơ quan với nhau.

### ***3.1.5 Hoàn thiện của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật***

Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) là một trong những phương tiện quan trọng nhất để nhà nước quản lý xã hội. Bởi vậy, hoạt động xây dựng VBQPPL có vai trò quan trọng trong quản lý Nhà nước, đặc biệt là đối với Nhà nước pháp quyền, giúp cho Nhà nước có thể hoàn thiện, tổ chức thực hiện và thực hiện pháp luật, để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quản lý Nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Khi tiến hành xây dựng VBQPPL các nhà làm luật phải tuân thủ một cách nghiêm túc rất nhiều nguyên tắc. Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất là đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động xây dựng VBQPPL đã được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008..

### ***3.1.6 Đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của các doanh nghiệp***

Trải qua một quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, các doanh nghiệp trên cả nước cũng như TP Đà

Năng đã ngày phát triển, mở rộng quy mô và hoàn thiện về cơ cấu tổ chức. Qua quá trình đó, nhận thức pháp luật của các doanh nghiệp cũng được nâng cao hơn và đòi hỏi về việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ĐKDN của người dân cũng lớn hơn. Để nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật cần chú trọng công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, triển khai thi hành luật, pháp lệnh; thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, hoàn thiện thể chế thị trường, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

### **3.2 Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi về đăng ký doanh nghiệp**

#### ***3.2.1 Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành***

**Thứ nhất**, quy định về xác định người có liên quan không bao quát hết các đối tượng cần kiểm soát nhằm ngăn ngừa các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong doanh nghiệp. Các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong doanh nghiệp thường là các giao dịch do những người quản lý, thành viên, cổ đông lớn trong công ty nhân danh công ty thiết lập các giao dịch mang lại lợi ích cá nhân cho họ chứ không phải lợi ích cho công ty mà họ đại diện. Để ngăn ngừa các giao dịch tư lợi đó, Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định các giao dịch cần phải được kiểm soát trước khi giao kết và thực hiện, trong đó có giao dịch giữa công ty với người có liên quan của chủ sở hữu công ty; người có liên quan của người quản lý công ty; người có liên quan của người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ theo quy định tại các điều 67, 86, 162 Luật Doanh nghiệp 2014.

Vì vậy, cần bổ sung về người có liên quan của doanh nghiệp trong việc kiểm soát các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty.

**Thứ hai**, Luật DN 2014 phải đưa ra nguyên tắc hoặc định hướng cụ thể bắt buộc điều lệ công ty phải xác định phạm vi thẩm quyền đại diện trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Khoản 2 Điều 13 Luật DN năm 2014 quy định: Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh người quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đây là một trong những nội dung mới cơ bản so với Luật DN năm 2005 (công ty trách nhiệm



hữu hạn và công ty cổ phần chỉ có duy nhất một người đại diện theo pháp luật).

**Thứ ba**, các quy định của Luật DN năm 2014 có sự khác nhau khi quy định về việc cán bộ, công chức có quyền được góp vốn hay không được góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Điều 56 Luật DN năm 2014 quy định hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên gồm tất cả các thành viên công ty, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty. Khoản 18 Điều 3 Luật DN năm 2014 giải thích về người quản lý công ty là thành viên hợp danh, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty kí kết giao dịch của công ty theo quy định tại điều lệ công ty. Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 18 Luật DN năm 2014 quy định cán bộ, công chức không được thành lập, quản lý doanh nghiệp nhưng vẫn có quyền góp vốn vào doanh nghiệp trừ trường hợp không được góp vốn theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Theo đó, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan không được góp vốn vào doanh nghiệp mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

**Thứ tư**, Luật DN năm 2014 chưa quy định về việc xác định lại tỉ lệ phần vốn góp của thành viên sau khi đã xử lý hậu quả của việc định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế của tài sản góp vốn.

Khoản 2, khoản 3 Điều 37 Luật DN năm 2014 quy định về trách nhiệm khi định giá sai tài sản góp vốn cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn. Theo đó:

– Tại thời điểm thành lập doanh nghiệp, nếu định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng chênh lệch giữa giá trị định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

– Trong quá trình hoạt động nếu định giá cao hơn giá trị thực tế thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm

kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

**Thứ năm**, Luật DN năm 2014 phải thống nhất quy định về trách nhiệm tài sản của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh

Trách nhiệm tài sản của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 172. Theo đó, thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Bên cạnh đó, tại điểm a khoản 2 Điều 182 lại có quy định theo đó thành viên góp vốn chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp.

Như vậy, thành viên góp vốn sẽ phải chịu trách nhiệm tài sản theo quy định tại Điều 172 hay Điều 182 Luật DN năm 2014? Đặc biệt, quy định mâu thuẫn trên đã tồn tại từ Luật DN năm 2005 đến nay vẫn chưa được khắc phục. Vì vậy, để hoàn thiện Luật DN thì trách nhiệm tài sản của thành viên góp vốn công ty hợp danh phải được quy định thống nhất.

### ***3.2.2 Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng***

#### ***3.2.2.1 Hoàn thiện về cơ chế nhân sự***

##### **Về số lượng**

Trước sự phát triển ngày càng năng động của thành phố Đà Nẵng áp lực công việc trong công tác ĐKDN của TP Đà Nẵng hiện nay là rất lớn, Sở KH&ĐT và các cơ quan quản lý cần nhanh chóng đưa ra những giải pháp kịp thời cho ngắn hạn và dài hạn để khắc phục tình trạng này. Cụ thể:

Trong ngắn hạn: Sử dụng lại đối với những cán bộ ĐKKD có trình độ, kinh nghiệm trong thời gian công tác đã nghỉ hưu hoặc đã hết hạn hợp đồng để khắc phục tình trạng quá tải trong thời điểm hiện nay (ký hợp đồng ngắn hạn sử dụng nguồn trả lương được trích lại từ lệ phí đăng ký doanh nghiệp)

Trong dài hạn: Có kế hoạch tuyển dụng nhân sự trên cơ sở đánh giá một cách đầy đủ về khối lượng công việc, khả năng đáp ứng của đội ngũ cán bộ hiện tại. Khi tính số lượng cán bộ ĐKDN bao nhiêu là đủ phải tính đến khối lượng công việc đăng ký trong tương lai để có cái nhìn toàn diện cũng như dự báo được những biến động để có phương án nhân sự phù hợp.

## **Về chất lượng và ý thức trách nhiệm**

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn cán bộ làm công tác ĐKKD về nghiệp vụ ĐKKD để hình thành lên đội ngũ cán bộ làm công tác ĐKKD chuyên nghiệp và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về các hoạt động chuyên môn của mình. Vấn đề nâng cao trình độ nghiệp vụ ĐKKD cho cán bộ làm công tác ĐKKD bao gồm:

Nghiêm minh, không làm điều gì trái với lương tâm và trách nhiệm công vụ.

Trình độ xử lý tin học, khai thác các thông tin trên mạng, truy cập và cung cấp các thông tin vào hệ thống dữ liệu thông tin doanh nghiệp quốc gia.

### *3.2.2.2 Đổi mới cơ chế cung ứng dịch vụ trong đăng ký doanh nghiệp*

Trong một thời gian dài khi nhà nước bao cấp cung ứng các dịch vụ công, đã hình thành nên cơ chế “xin- cho” cung cấp dịch vụ theo kiểu cửa quyền, ban phát, thiếu tận tâm thậm chí còn những nhiễu. Việc chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, nền hành chính phục vụ....Đòi hỏi một sự đổi mới cơ bản về tư duy, cách nghĩ, cách làm của Nhà nước và trong mỗi cán bộ công chức làm ĐKDN, Bên cạnh đó, việc ban hành các thể chế, quy định về quy trình, thủ tục, trách nhiệm của cán bộ công chức, cũng như tạo ra các điều kiện vật chất cần thiết phục vụ cho cung ứng dịch vụ ĐKDN một cách thuận tiện nhanh chóng.

### *3.2.2.3 Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin*

Cải cách kỹ thuật công nghệ trong đăng ký doanh nghiệp (đường truyền nhanh, sự cố mất mạng, sửa mạng) nhằm ứng dụng tối đa công nghệ thông tin vào quy trình nghiệp vụ chuẩn hoá, tinh giản hoá và đơn giản hoá quy trình ĐKDN.

Rà soát dữ liệu trên cổng thông tin ĐKDN quốc gia để đảm bảo nguồn thông tin được cập nhật, chính xác và thống nhất phục vụ cho công tác ĐKDN;

Hoàn thiện quy trình ĐKDN trực tuyến để giúp đơn giản hóa thủ tục, giảm các khâu trung gian không cần thiết làm chậm thời gian giải quyết thủ tục ĐKDN.

Kịp thời khắc phục những lỗ hổng, những sai sót trong vận hành phần mềm ứng dụng trong hoạt động ĐKDN để hạn chế những tác động tiêu cực do những lỗ hổng, những sai sót trong quá trình vận hành gây ra.

#### 3.2.2.4 Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý

Nâng cao nhận thức của các chủ thể đăng ký và cả cơ quan nhà nước về bản chất hoạt động đăng ký kinh doanh (đăng ký thông tin về doanh nghiệp) để tránh những yêu cầu không cần thiết từ cả hai phía làm kéo dài thời gian.

Nghiêm chỉnh rà soát triệt để lại các thủ tục pháp lý hiện hành, đặc biệt là những khâu yếu và lấy đi nhiều thời gian như trình ký lãnh đạo, công tác văn thư, văn phòng để giảm bớt các khâu thủ tục không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian gia nhập thị trường của nhà đầu tư.

#### 3.2.2.5 Nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm

Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND TP tránh sự trùng lặp, chồng chéo trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra đảm bảo trong 1 năm không quá 1 lần thanh tra, kiểm tra đối với 1 doanh nghiệp. Để có thể nâng hiệu quả công tác hậu kiểm thì nhà quản lý cần phải đưa hoạt động này thành hoạt động thường xuyên và liên tục với số lượng doanh nghiệp được kiểm tra ngày càng tăng. Lên kế hoạch cụ thể, toàn diện về các nội dung kiểm tra để có thể đánh giá được toàn diện các vấn đề liên quan của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, có thể đưa ra được những kết luận mang lại giá trị cao trong công tác kiểm tra đánh giá và tổng hợp. Xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm để tăng sức răn đe cũng như nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

#### 3.2.2.6 Một số giải pháp khác:

Tăng cường tính không khai, minh bạch của môi trường kinh doanh thông qua việc công khai hóa và xã hội hóa thông tin có giá trị pháp lý về ĐKDN. *Phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp:* Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá một năm không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử phạt theo chức năng, nhiệm vụ của mình và quy định của Luật Doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách về ĐKDN, tiến tới thống nhất việc ĐKDN cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi khu vực kinh tế, không phân biệt trong nước và nước ngoài;

## KẾT LUẬN

Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam lần đầu tiên được quy định bằng chế định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào năm 1990. Chế định này được phát triển với những tư duy đột phá trong xây dựng pháp luật về doanh nghiệp, góp phần mang lại một cuộc “cách mạng” về cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập và đăng ký kinh doanh ở Việt Nam với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005 và đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn. Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng và thực thi pháp luật trong thực tiễn cho thấy, bên cạnh những ưu điểm về cung cấp thông tin thủ tục thành lập doanh nghiệp; áp dụng cơ chế một cửa trong quá trình đăng ký doanh nghiệp, thì pháp luật về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn luận và hoàn thiện.

Đăng ký doanh nghiệp là bước khởi đầu của mỗi doanh nghiệp vừa mang ý nghĩa đối với doanh nghiệp, vừa mang ý nghĩa đối với công tác QLNN. Tại Việt Nam, công tác ĐKDN đang có sự chuyển mình mạnh mẽ cùng với những chính sách mới được đưa ra theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Qua khảo sát tình hình ĐKDN tại Đà Nẵng, tôi đã có được một góc nhìn phản chiếu tình trạng thực thi pháp luật về ĐKDN tại thành phố biển xinh đẹp, trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, tôi đã rút ra được những kinh nghiệm giúp hoàn thiện cơ chế thực thi pháp luật về ĐKDN tại Việt Nam. Với năng lực bản thân còn nhiều hạn chế, dù đã rất nỗ lực nhưng kết quả nghiên cứu vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Tuy vậy, nó vẫn có những giá trị tham khảo nhất định cho các nhà nghiên cứu, nhà bình luận cũng như cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc hoạch định chính sách có liên quan.

Cuối cùng, công trình nghiên cứu này là bước khởi đầu của quá trình nghiên cứu của tôi. Tôi sẽ cố gắng để hoàn thiện nó trong các đề tài ở các cấp độ cao hơn.